TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/5/2019
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa bà L và ông Q"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Minh Đăng**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Hà Văn Tiên**
2. Bà **Trần Thị Huệ**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thụy Anh Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Cảnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 273/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ng Th B L - sinh năm: 1977 *(có mặt)*
Địa chỉ: Khu phố 1, phường B A, thành phố P R – T C, tỉnh Ninh Thuận
- *Bị đơn:* Ông Ng Q - sinh năm: 1971 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn T T 1, xã T H, huyện N H, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Ng T B L trình bày: Bà và ông Ng Q đã tìm hiểu và tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B A, thành phố P R – T C, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 26/8/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại thôn T T, xã T H và có 01 con chung tên Ng T T H, sinh năm 2003. Trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì ông Q thường ghen tuông vô cớ, đánh đập bà thường xuyên. Khi bà mang thai và sau khi sinh ông Q vẫn thường xuyên giở thói vũ phu đánh đập bà. Không chịu đựng được tính vũ phu của ông Q. Tháng 6/2003, bà mang con mới sinh được 02 tháng về nhà cha mẹ ruột tại khu phố 1 phường B A, thành phố P R – T C sinh sống đến thời điểm hiện nay.

Ông Q không quan tâm đến mẹ con bà mà còn sinh sống với người phụ nữ khác và có con với người đó. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N H giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q. Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung tên Ng T T H, sinh năm 2003 và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải thể hiện:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử luôn tuân theo pháp luật tố tụng và người tham gia tố tụng là nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn cố tình vắng mặt từ lúc thụ lý vụ án đến khi xét xử nhưng không có lý do. HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với ông Ng Q.

Về con chung: Giao con chung tên Ng T T H, sinh năm 2003 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Do bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Ng Q và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Ng T T H, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện N H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Tòa án ra thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn là ông Ng Q. Thông báo có ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*). Chứng cứ kèm theo là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh con và sổ hộ khẩu. Tuy nhiên, trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự ông Q không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do bà L cung cấp (*khoản 2 điều 92 của BLTTDS*). Sau khi thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Ng T B L và ông Ng Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B A, thành phố P R – T C, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 26/8/2002, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà L và ông Q sống chung với nhau tại Thôn T T 1, xã T H và có 01 con chung. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo Biên bản lấy lời khai của bà L, ngày 27/12/2018 (BL 42); Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú (BL 44) có trong hồ sơ vụ án của Tòa án thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân, ông Q là chồng nhưng thường xuyên ghen tuông, đánh đập bà L thường xuyên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Do thường xuyên bị chồng đánh đập nên bà L đã mang con về nhà cha mẹ ruột sống, ông Q không quan tâm, đoái hoài đến vợ con mà sống chung với phụ nữ khác và đã có con với người phụ nữ này. Bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Q. Từ những nhận định trên chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Q.

[4] Về con chung: Giao con chung tên Ng T T H, sinh năm 2003 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Do bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 6 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 1 Điều 6 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Ng T B L được ly hôn với ông Ng Q

2. Về con chung: Giao con chung tên Ng T T H, sinh năm 2003 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai số 0015859 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Bà L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/5/2019). Riêng bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được niêm yết, tống đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Hải;
- UBND xã B A (Cơ quan thực hiện việc ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Minh Đăng